TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2023/LĐ-ST Ngày 30-9-2023 V/v tranh chấp đòi tiền lương	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Yến

Ông Hoàng Gia Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-LĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp đòi tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-LĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số 235/2023/TB-TA ngày 25 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1963; nơi cư trú: Số 20/77 ngõ 239, đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Minh P: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Luật sư Công ty Luật TNHH Tường Minh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ Công ty: Số 3 Mạc Thái Tổ, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần C (sau đây viết tắt: Công ty); địa chỉ: Số 8, khu I, V, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Trọng N - Chủ tịch HĐQT Công ty.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cấn Ngọc Đ - Trưởng phòng Tổ chức -

Hành chính Công ty Cổ phần C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Đầu năm 2011, bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp D - Chi nhánh (sau đây viết tắt: Xí nghiệp) của Công ty TNHH MTV C theo Quyết định số: 28/QĐ-CT ngày 28/02/2011 và Quyết định số: 198/QĐ-CT ngày 5/6/2012 của Công ty TNHH MTV C, nay là Công ty Cổ phần C Phòng (sau đây viết tắt: Công ty). Tại Điều 2 của Quyết định số 28: Bà được "giữ nguyên mức lương và được hưởng chế độ phụ cấp chức vụ hệ số 0,4 (doanh nghiệp hạng II)". Theo đó, bà được nhận lương trực tiếp từ Công ty. Tuy nhiên, trong các Hợp đồng thuê khoán giữa Xí nghiệp với Công ty thì Công ty yêu cầu bà phải đóng một khoản tiền nhất định để dùng nó vào việc chi trả lương cho bà, thể hiện trong:

Năm 2012: Bà không được nhận tiền lương là khoản tiền tương ứng với mức lương áp dụng để đóng Bảo hiểm xã hội: 4.305.000 đồng/tháng (Bốn triệu, ba trăm linh năm nghìn đồng) trong đó hệ số tiền lương 3,7, phụ cấp 0,4 nhân với mức lương tối thiểu là 1.050.000 đồng/tháng. Tổng số tiền bà đã đóng vào để Công ty trả lương hàng tháng cho bà trong năm 2012: 4.305.000 đồng x 12 tháng = 51.660.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) (1)

Hợp đồng nội bộ số 68/HĐ ngày 26/4/2013: Điều 2 ghi rõ: "Chi lương và phụ cấp lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của Giám đốc, Phó giám đốc trong thời gian thực hiện Hợp đồng (theo lương cơ bản): 125.000.000 đồng" (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) (2)

Hợp đồng nội bộ số 69/HĐ ngày 25/4/2014: Điều 2 ghi rõ: "Thu để chỉ lương và phụ cấp lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của Giám đốc xí nghiệp trong thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng 5/2014 - 10/2014 và Phó giám đốc xí nghiệp từ tháng 6/2014 - 10/2014 (theo lương cơ bản): 76.000.000 đồng". Từ tháng 6/2014 đến tháng 4/2015 bà nộp vào công ty 76.000.000 đồng x 2 đợt = 152.000.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu đồng) (3)

Năm 2015: Từ tháng 01/2015 đến hết tháng 9/2015 bà tiếp tục phải đóng theo định mức từ Hợp đồng nội bộ năm 2014 = 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng) (4)

Những khoản tiền nêu trên đều được bà đóng cùng với những lần đóng tiền nhận giao khoán theo Hợp đồng nội bộ của các năm (có kèm theo phiếu thu). Trong thời gian làm việc tại Công ty cũng như Xí nghiệp bà không tìm hiểu nhiều về chế độ bảo hiểm cũng như tin tưởng vào chế độ của Công ty nên không tìm hiểu các quy định pháp luật về chế độ của người lao động trong Doanh nghiệp, chỉ thực hiện theo

yêu cầu của lãnh đạo Công ty. Đến giữa năm 2022, bà làm đơn yêu cầu Công ty trả Sổ bảo hiểm xã hội và thực hiện thủ tục nhận chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định của pháp luật. Ngày 06/6/2022, Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng có Quyết định số 548/QĐ-BHXH về việc cho bà hưởng chế độ hưu trí hàng tháng với mức lương 4.512.531 đồng. Từ thời điểm nhận được Quyết định 548/QĐ-BHXH nêu trên kèm theo Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội của bà từ tháng 12/1984 đến hết tháng 3/2016, bà được biết Công ty Cổ phần C đã vi phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bà khi tự ý cắt đóng bảo hiểm cho bà, cùng với việc mức lương kê khai đóng bảo hiểm là khoản lương trên thực tế bà chưa bao giờ được nhận; cụ thể:

Thứ nhất, tại Mục I Quyết định số 548/QD-BHXH về việc hưởng hưu trí hàng tháng của Bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng có thể hiện tiền lương bà được hưởng từ tháng 01 đến tháng 03/2016: 7.665.000 đồng (Bảy triệu, sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), nhưng thực tế bà không được nhận số tiền lương nêu trên hay bất kì khoản lương nào khác. *Thứ hai*, từ tháng 04/2016 đến tháng 12/2016, Công ty đơn phương không đóng bảo hiểm cho bà trong khi bà vẫn đang là nhân viên và làm việc tại Công ty mà không có bất kì văn bản hay thông báo nào cho người lao động được biết. *Thứ ba*, từ tháng 01/2017 đến tháng 10/2017; trên Sổ bảo hiểm cũng như Quyết định số 548/QĐ-BHXH đều ghi rõ bà nghỉ làm việc không lương và không tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho bà điều này không đúng với thực tế. Thời gian đó bà vẫn đang giữ chức Giám đốc Xí nghiệp tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ, Công ty cũng không có bất kì thông báo nào về việc cắt giảm bảo hiểm của bà. Điều này đã xâm phạm nghiêm trọng quyền lợi của người lao động cũng như vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng lao động được quy định cụ thể tại khoản 1 và khoản 7 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội 2014. Đến tháng 11/2017, Công ty ra Quyết định xử lý kỷ luật sa thải người lao động đối với bà. Nhưng quyết định này đang vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà và bà vẫn đang trong quá trình khởi kiện đòi lại quyền lợi cho mình trong một vụ án khác. Như vậy, theo quy định của Luật lao động quy định tại khoản 1 Điều 5: "1. Người lao động có các quyền sau đây: "b) Hưởng lương phù hợp với trình độ, kỹ năng nghề trên cơ sở thỏa thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể... " và quy định tại Điều 96. Nguyên tắc trả lương: "Người lao động được trả lương trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn".

Bà là người lao động làm việc tại Xí nghiệp có ký hợp đồng lao động với Công ty, do vậy Công ty có trách nhiệm chi trả khoản lương theo Hợp đồng lao động đã ký và đóng các khoản bảo hiểm cho người lao động theo quy định của pháp luật. Việc Công ty yêu cầu bà đóng tiền khoán hàng năm bao gồm cả khoản tiền để chi trả lương cho chính bà là vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, xâm phạm

đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Theo quy định của Bộ luật Lao động 2012, tại Điều 111. Nghỉ hằng năm: "1. Người lao động có đủ 12 tháng làm việc cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau: a) 12 ngày làm việc đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường"; Điều 112. Ngày nghỉ hằng năm tăng theo thâm niên làm việc: "Có 05 năm làm việc cho một người sử dụng lao động thì số ngày nghỉ hằng năm của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 111 của Bộ luật này được tăng thêm tương ứng 01 ngày. Điều 114. Thanh toán tiền lương những ngày chưa nghỉ: "1. Người lao động do thôi việc, bị mất việc làm hoặc vì các lý do khác mà chưa nghi hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được thanh toán bằng tiền những ngày chưa nghỉ".

Như vậy, thời gian bà làm việc từ 2012 đến hết 2015, phía Công ty không cho bà được hưởng bất kỳ một ngày nghỉ nào cùng với chế độ thanh toán trong trường hợp bà không hưởng ngày nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật lao động. Bà làm việc tại Công ty từ năm 1989 hết 2015, căn cứ theo quy định của luật, như vậy mỗi năm bà có tổng cộng 16 ngày nghỉ hưởng nguyên lương, trong 04 năm từ 2012 đến hết 2015 tổng cộng bà có 64 ngày nghỉ hưởng nguyên lương, tính tiền công theo ngày lương, Công ty phải thanh toán cho bà số tiền tạm tính = 13.632.000 đồng (Mười ba triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) (5)

Ngày 08/11/2022, bà có làm đơn đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Đồ Sơn hòa giải trước khi tiến hành thủ tục khởi kiện theo quy định pháp luật. Đến ngày 17/11/2022, bà có đến tham gia phiên hòa giải tại trụ sở UBND quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo giấy mời nhưng đại diện Công ty vắng mặt không có lí do và phiên hòa giải không thành. Nội dung phiên hòa giải được thể hiện cụ thể tại Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 17/11/2022.

Bà kính đề nghị Quý Tòa xem xét và giải quyết: Tuyên buộc Công ty hoàn trả toàn bộ số tiền mà bà được hưởng theo quy định của pháp luật, thể hiện tại phần (1), (2), (3), (4), (5) tổng số tiền: 494.292.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tư triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Trong đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai cùng đề ngày 02/3/2023, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Nay bà làm đơn bổ sung một số yêu cầu khởi kiện như sau:

Thứ nhất, yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương tính từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2015, với mức lương để đóng bảo hiểm xã hội: 6.392.100 đồng/tháng (Sáu triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, một trăm đồng chẵn), trong đó: Hệ số tiền lương 3,89, phụ cấp 0,4 nhân với mức lương tối thiểu: 1.490.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lương Công ty phải thanh toán cho bà trong năm 2015: 6.392.100 đồng x 12 tháng

= 76.705.200 đồng (Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm linh năm nghìn, hai trăm đồng); (1)

Thứ hai, yêu cầu Công ty thanh toán số tiền lương tính từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016, với mức lương 7.665.000đ/ tháng, hệ số 1,16 (theo Quyết định số 548/QĐ-BHXH ngày 06/06/2022 về việc hưởng hưu trí hàng tháng). Tổng số tiền mà Công ty phải thanh toán cho bà trong năm 2016: 7.665.000 đồng x 1,16 x 12 tháng = 106.696.800 đồng (Một trăm linh sáu triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm đồng); (2)

Thứ ba, yêu cầu Công ty thanh toán số tiền lương tính từ tháng 01/2017 đến tháng 11/2017, với mức lương: 7.665.000 đồng/tháng, hệ số 1,16 (theo Quyết định số 548/QD-BHXH ngày 06/06/2022 về việc hưởng hưu trí hàng tháng). Tổng số tiền mà công ty phải thanh toán cho bà trong năm 2016: 7.665.000 đồng x 1,16 x 10 tháng 15 ngày = 93.359.700 đồng (Chín mươi ba triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm đồng); (3)

Thứ tư, yêu cầu Công ty thanh toán cho bà số ngày nghỉ nguyên lương, căn cứ quy định của Bộ luật Lao động, trong 02 năm, từ năm 2016 đến năm 2017, bà có tổng cộng 34 ngày nghỉ nguyên lương, tính tiền lương theo ngày công Công ty phải thanh toán cho bà số tiền 12.596.150 đồng (Mười hai triệu, năm trăm chín mươi sáu nghìn, một trăm năm mươi đồng); (4)

Bà kính đề nghị Quý Toà án: Buộc Công ty hoàn trả toàn bộ số tiền mà bà được hưởng theo quy định của pháp luật thể hiện tại phần (1), (2), (3), (4) tổng số tiền: 289.357.850 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng yêu cầu Toà án: Buộc Công ty hoàn trả toàn bộ số tiền mà bà được hưởng theo quy định của pháp luật, thể hiện tại phần (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), tổng số tiền là: 745.649.850 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng). Cụ thể như sau:

1. Buộc Công ty thanh toán toàn bộ tiền lương năm 2012, tương ứng với mức lương áp dụng để đóng Bảo hiểm xã hội: 4.305.000 đồng/tháng (Bốn triệu, ba trăm linh năm nghìn đồng) trong đó hệ số tiền lương 3,7, phụ cấp 0,4 nhân với mức lương tối thiểu 1.050.000 đồng/tháng. Tổng số tiền bà đã đóng vào để công ty trả lương hàng tháng cho bà trong năm 2012: 4.305.000 x 12 tháng = 51.660.000 đồng (Năm mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Buộc Công ty thanh toán toàn bộ tiền lương theo Hợp đồng nội bộ số 68/HĐ ngày 26/4/2013, tại Điều 2 ghi rõ: "Chi lương và phụ cấp lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của Giám đốc, Phó giám đốc trong thời gian thực hiện Hợp đồng (theo lương cơ bản): 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi năm triệu đồng)".

3. Buộc Công ty thanh toán toàn bộ tiền lương theo Hợp đồng nội bộ số 69/HĐ ngày 25/4/2014, tại Điều 2 ghi rõ: "Thu để chi lương và phụ cấp lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của Giám đốc xí nghiệp trong thời gian thực hiện Hợp đồng từ tháng 5/2014 - 10/2014 và Phó giám đốc xí nghiệp từ tháng 6/2014 - 10/2014 (theo lương cơ bản): 76.000.000 đồng. Từ tháng 6/2014 đến tháng 4/2015, bà nộp vào Công ty: 76.000.000 đồng x 2 đợt = 152.000.000 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu đồng).

4. Buộc Công ty thanh toán toàn bộ số tiền bà đã đóng từ tháng 01/2015 đến tháng 9/2015 theo định mức từ Hợp đồng nội bộ năm 2014: 114.000.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu đồng).

5. Buộc Công ty thanh toán toàn bộ tiền lương tính từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2015, với mức lương để đóng bảo hiểm xã hội: 6.392.100 đồng/tháng (Sáu triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, một trăm đồng), trong đó hệ số tiền lương 3,89, phụ cấp 0,4 nhân với mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng/tháng. Tổng số tiền lương Công ty phải thanh toán cho bà trong năm 2015: 6.392.100 đồng x 12 tháng = 76.705.200 đồng (Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm linh năm nghìn, hai trăm đồng).

6. Buộc Công ty thanh toán toàn bộ tiền lương tính từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016, với mức lương: 7.665.000 đồng/tháng, hệ số 1,16 (theo Quyết định số 548/QD-BHXH ngày 06/06/2022 về việc hưởng hưu trí hàng tháng). Tổng số tiền Công ty phải thanh toán cho bà trong năm 2016: 7.665.000 đồng x 1,16 x 12 tháng = 106.696.800 đồng (Một trăm linh sáu triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm đồng).

7. Buộc Công ty thanh toán toàn bộ tiền lương tính từ tháng 01/2017 đến tháng 11/2017, với mức lương: 7.665.000 đồng/tháng, hệ số 1,16 (theo Quyết định số 548/QD-BHXH ngày 06/06/2022 về việc hưởng hưu trí hàng tháng). Tổng số tiền Công ty phải thanh toán cho bà trong năm 2016: 7.665.000 đồng x 1,16 x 10 tháng 15 ngày = 93.359.700 đồng (Chín mươi ba triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm đồng).

8. Buộc Công ty thanh toán toàn bộ số ngày nghỉ hưởng nguyên lương, căn cứ quy định của Bộ luật Lao động, trong 05 năm từ năm 2012 đến năm 2017, tổng cộng bà có 98 ngày, bao gồm: từ 2012 đến hết 2015 có 64 ngày nghỉ hưởng nguyên lương, tính tiền công theo ngày lương: 13.623.000 đồng; từ năm 2016 đến năm 2017 có 34 ngày nghỉ hưởng nguyên lương, tính tiền công theo ngày lương: 12.596.150 đồng, tổng số tiền tạm tính là 13.632.000 đồng + 12.596.150 = 26.228.150 đồng (Hai mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, một trăm năm mươi đồng).

Trong văn bản trình bày ý kiến, bản tự khai, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (Công ty) - Ông Cấn Ngọc Đ trình bày:

Về nghĩa vụ thanh toán tiền lương, đóng nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí Công đoàn (sau đây viết tắt: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) đối với bà P: Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với tất cả các lao động làm việc dưới hình thức hợp đồng lao động, trong đó có bà Nguyễn Thị Minh P, bao gồm: Chi trả tiền lương bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank) theo ngày công thực tế làm việc hoặc chi trả tiền lương theo hình thức Khoán nội bộ, Lệnh sản xuất nội bộ; đóng nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định của pháp luật; thanh toán tiền lương đối với những ngày nghỉ có hưởng lương của người lao động (ngày Lễ, Tết, phép năm...). Vì vậy, Công ty không đồng ý với toàn bộ các yêu cầu trả lại bà P số tiền bà P đã nộp về Công ty do không có căn cứ theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu trả lại bà P kinh phí Công đoàn, đây là nguồn hỗ trợ cho hoạt động Công đoàn ở các cấp và theo pháp luật hiện hành "Kinh phí Công đoàn được trích theo tỷ lệ 2% trên tổng số tiền lương mà đơn vị sử dụng lao động phải trả cho người lao động, khoản kinh phí này do người sử dụng lao động trích nộp". Vì vậy, việc bà P yêu cầu Công ty thanh toán kinh phí Công đoàn để bà P nhận là không đúng quy định.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà P, Luật sư Hương Giang cùng thống nhất về việc giữ nguyên quan điểm về việc rút yêu cầu Công ty trả bà tiền kinh phí công đoàn như đã trình bày tại phiên hoà giải ngày 25/8/2023 và rút 1/2 yêu cầu đã nêu tại phần 3 về yêu cầu Công ty trả bà P số tiền 152.000.000 đồng do trước đây tính toán sai (thực tế nộp về Công ty 01 đợt = 76.000.000 đồng, tính thành 02 đợt = 152.000.000 đồng), nay bà chỉ yêu cầu Công ty trả bà 76.000.000 đồng; giữ nguyên các yêu cầu khác từ phần (1) đến (8). Nay bà P yêu cầu Công ty trả lại bà các khoản tiền từ phần (1) đến (7) là các khoản tiền bà đã nộp về Công ty trong các năm và yêu cầu Công ty trả bà khoản tiền tính theo số ngày nghỉ hưởng nguyên lương Công ty chưa trả bà, được nêu tại phần (8) với tổng số tiền: 669.649.850^{đ} (sáu trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đ giữ nguyên ý kiến đối với các yêu cầu từ (1) đến (8) của nguyên đơn - bà P như ông đã trình bày tại văn bản nộp đến Toà án, biên bản hoà giải ngày 25/8/2023; đồng ý về việc bà P rút yêu cầu Công ty trả bà tiền kinh phí công đoàn như đã trình bày tại phiên hoà giải ngày 25/8/2023 và đồng ý với việc bà P rút 1/2 yêu cầu (3) về yêu cầu Công ty trả bà P số tiền 152.000.000 đồng (rút yêu cầu đòi Công ty trả bà số tiền 76.000.000 đồng). Do tính toán sai (thực tế nộp về Công ty 01 đợt = 76.000.000 đồng, tính thành 02 đợt = 152.000.000 đồng), nay bà P chỉ yêu cầu Công ty trả bà số tiền 76.000.000 đồng bà đã nộp về Công ty. Tuy nhiên, 08 yêu cầu của bà P đều không có căn cứ, không có tài liệu nào để chứng minh theo quy định của pháp luật. Nên Công ty không đồng ý

trả tiền theo các yêu cầu (1) đến (8) của bà P. Bị đơn chứng minh bằng các số liệu được tổng hợp, các tài liệu, chứng cứ bằng văn bản đã giao nộp Toà án, như sau:

1. Về vấn đề thanh toán tiền lương, đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí Công đoàn: Công ty TNHH MTV Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng (nay là Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng) đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với tất cả các lao động làm việc dưới hình thức hợp đồng lao động, bao gồm:

- Tiền lương theo ngày công thực tế làm việc hoặc tiền lương theo hình thức khoán nội bộ, lệnh sản xuất nội bộ; đóng nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí Công đoàn theo quy định của pháp luật; thanh toán tiền lương đối với những ngày nghỉ có hưởng lương của người lao động (ngày Lễ, Tết, phép năm...); Công ty chứng minh ý kiến nêu trên đối với yêu cầu của nguyên đơn bằng tài liệu, chứng cứ gồm số liệu chi tiết trong Bảng kê thanh toán tiền lương từ tháng 01/2012 đến tháng 3/2016 Công ty đã giao nộp đến Toà án và Bản sao kê chi tiết của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng đối với: Tài khoản số 711A13748032 - Chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Minh P, từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017 do Ngân hàng cung cấp đến Toà án; thể hiện:

1. Số liệu chi tiết trong Bảng kê thanh toán tiền lương từ tháng 01/2012 đến tháng 3/2016.

2. Phân tích chi tiết nghĩa vụ của người sử dụng lao động - Công ty đã thực hiện đầy đủ về việc trả lương, đóng nộp, chi trả các khoản khác theo quy định của pháp luật đối với người lao động - bà P như sau:

2.1. Lương năm 2012 (yêu cầu số 01 của nguyên đơn):

"Tiền lương năm 2012 tương ứng với mức lương áp dụng để đóng BHXH; 4.305.000 đồng (Trong đó: Hệ số tiền lương 3,7, phụ cấp 0,4 x với mức lương tối thiểu: 1.050.000 đồng/tháng) Tổng năm 4.305.000 x 12 tháng = 51.660.000 đồng.". Năm 2012, Công ty có trách nhiệm thanh toán lương cho bà P từ tháng 01/2012 đến hết 21/4/2012 và đã thanh toán đầy đủ cho bà P số tiền 20.784.000 đồng (tương đương 4 tháng). Thể hiện tại bảng thanh toán tiền lương năm 2012 và Bản sao kê chi tiết của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng đối với: Tài khoản số 711A13748032 - Chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Minh P, từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017.

Từ ngày 22/4/2012 đến hết 31/12/2012: Việc thanh toán lương là nghĩa vụ của đơn vị nhận khoán theo Điều 4 - Hợp đồng nội bộ số 110/HĐ ngày 22/4/2012 ký kết giữa Công ty và Xí nghiệp trực thuộc do bà P làm đại diện. Tại Hợp đồng nội bộ số 110/HĐ ngày 22/4/2012, Tổng giá trị giao khoán: 350.00.000 đồng gồm chi phí thuê

tài sản nhà vệ sinh công cộng Khu II và Bãi xe khu II Đồ Sơn; tại Điều 4 Hợp đồng ghi rõ: Nghĩa vụ của bên nhận khoán "Phải thanh toán mọi chi phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình (ngoài số tiền nhận khoản) như sửa chữa nhỏ, mua sắm vật dụng, tiền điện, tiền nước, điện thoại, tiền lương... Đóng nộp các loại bảo hiểm cho người lao động hàng tháng đầy đủ".

Tài liệu chứng minh đã gửi Tòa án: Bảng thanh toán tiền lương từ tháng 01 đến tháng 04/2012; (sao kê các khoản tiền lương đã thanh toán theo bảng thanh toán tiền lương tháng 01 đến tháng 04/2012); Hợp đồng nội bộ số 110/HĐ ngày 22/4/2012; các tài liệu khác liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận khoán (hóa đơn VAT thu tiền khoán, phiếu thu tiền đóng nộp bảo hiểm các loại cho người lao động của xí nghiệp).

2.2. Lương năm 2013 (yêu cầu số 02 của nguyên đơn):

Tiền lương theo Hợp đồng nội bộ số 68/HĐ ngày 26/4/2013 tại điều 2: "Chi lương, phụ cấp lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của Giám đốc, Phó Giám đốc Xí nghiệp trong thời gian thực hiện Hợp đồng (theo lương cơ bản)" = 125.000.000 đồng. Từ tháng 01/2013 đến hết 4/2013: Việc thanh toán lương là nghĩa vụ của đơn vị nhận khoán theo Điều 4 - Hợp đồng nội bộ số 110/HĐ ký kết giữa Công ty và Xí nghiệp trực thuộc do bà P làm đại diện.

Từ tháng 5/2013 đến tháng 12/2013: Công ty thanh toán đủ tiền lương cho bà P. Việc thanh toán tiền lương liên quan đến giá trị Hợp đồng giao khoán nội bộ số 68/HĐ ngày 26/4/2013 ký kết giữa Công ty và Xí nghiệp trực thuộc do bà P làm đại diện. (Giá trị giao khoán tại Hợp đồng đã bao gồm tiền lương của Ban giám đốc Xí nghiệp trong đó có bà P là 125.000.000 đồng) quy định tại Điều 2 Hợp đồng 68/HĐ. Thể hiện tại bảng thanh toán tiền lương năm 2013 và Bản sao kê chi tiết của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng đối với: Tài khoản số 711A13748032 - Chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Minh P, từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017.

Tài liệu chứng minh đã gửi Toà án: Bảng thanh toán tiền lương từ tháng 01 đến tháng 04/2013 (sao kê các khoản tiền lương đã thanh toán theo bảng thanh toán tiền lương tháng 01 đến tháng 04/2013); Hợp đồng nội bộ số 110/HĐ ngày 22/4/2012; các tài liệu khác liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận khoán (Hoá đơn VAT thu tiền khoán, phiếu thu tiền đóng nộp bảo hiểm các loại cho người lao động của Xí nghiệp); Bảng kê thanh toán tiền lương từ tháng 5/2013 đến 12/2013 (sao kê các khoản tiền lương đã thanh toán theo bảng thanh toán tiền lương tháng 05 đến tháng 12/2013); Hợp đồng giao khoán nội bộ số 68/HĐ ngày 26/4/2013; các tài liệu khác liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận

khoán (Hoá đơn VAT thu tiền khoán, phiếu thu tiền đóng nộp bảo hiểm các loại cho người lao động của Xí nghiệp).

2.3. Lương năm 2014 (yêu cầu số 03 của nguyên đơn):

Tiền lương theo Hợp đồng nội bộ số 69/HĐ ngày 25/4/2014, tại Điều 2 ghi rõ "Thu để chi lương và phụ cấp lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của Giám đốc, Phó Giám đốc trong thời gian thực hiện Hợp đồng từ tháng 09/2014 đến tháng 10/2014 và Phó Giám đốc xí nghiệp từ tháng 06/2014 đến tháng 10/2014 (theo lương cơ bản) = 76.000.000 đồng. Từ tháng 6/2014 đến tháng 4/2015 bà P cho rằng đã nộp vào Công ty 76.000.000 x 2 đợt = 152.000.000 đồng nên yêu cầu Công ty trả bà 152.000.000 đồng". Bà P đã rút 1/2 yêu cầu tại phần (3) này do tính sai vì bà P chỉ có tài liệu là 01 phiếu thu chứng minh về việc nộp tiền về Công ty 01 đợt = 76.000.000 đồng vào ngày 30/8/2014 đúng như tài liệu hiện Công ty đang lưu giữ. Nhưng bà P tính thành nộp 02 đợt = 152.000.000 đồng. Nay bà P yêu cầu Công ty trả bà 76.000.000 đồng là không đúng. Công ty khẳng định bà P chỉ nộp 01 lần khoản tiền 76.000.000 đồng vào ngày 30/8/2014 (đợt 3). Nên Công ty không chấp nhận yêu cầu này vì: Công ty thanh toán đầy đủ tiền lương từ tháng 01/2014 đến hết tháng 10/2014 (việc thanh toán tiền lương liên quan đến giá trị Hợp đồng giao khoán nội bộ số 69/HĐ ngày 25/4/2014 ký kết giữa Công ty và Xí nghiệp trực thuộc do bà P làm đại điện. (Giá trị giao khoán tại Hợp đồng đã bao gồm tiền lương của Ban giám đốc Xí nghiệp, trong đó có bà P là 76.000.000 đồng tại Điều 2 của Hợp đồng) thời gian giao khoán từ 25/4/2014 đến 31/10/2014. Thể hiện tại Bảng thanh toán tiền lương năm 2014 và Bản sao kê chi tiết của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng đối với: Tài khoản số 711A13748032 - Chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Minh P, từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017. Tổng giá trị HĐ 69/HĐ ngày 25/4/2014: 571.000.000 đồng. Xí nghiệp DVDL - Đơn vị nhận khoán nộp làm 04 đợt, gồm 04 phiếu thu có chữ ký, ghi họ tên bà P với tư cách đại diện Xí nghiệp nộp tiền vào Công ty: Đợt 1: Ngày 7/5: 170.000.000 đồng; đợt 2: Ngày 30/7: 290.000.000 đồng; đợt 3: Ngày 30/8: 76.000.000 đồng; đợt 4: Ngày 27/9: 35.000.000 đồng.

2.4. Lương năm 2015 (yêu cầu số 04 của nguyên đơn):

Toàn bộ số tiền bà P đã đóng từ tháng 01/2015 đến tháng 09/2015 theo định mức từ Hợp đồng nội bộ năm 2014 = 114.000.000 đồng. Từ tháng 01/2015 đến hết 4/2015: Công ty thanh toán đầy đủ tiền lương cho bà P theo nghĩa vụ của người sử dụng lao động. Thể hiện tại bảng thanh toán tiền lương năm 2015 và Bản sao kê chi tiết của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng đối với: Tài khoản số 711A13748032 - Chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Minh P, từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017.

Từ tháng 01/2015 đến hết tháng 31/8/2015: Việc thanh toán lương là nghĩa vụ của đơn vị nhận khoán theo Điều 5 - Hợp đồng nội bộ số 274/HĐ ngày 27/4/2015 ký kết giữa Công ty và Xí nghiệp trực thuộc do bà P làm đại diện. Từ tháng 9/2015 đến hết tháng 03/2016: Công ty thanh toán đầy đủ tiền lương và các chế độ cho bà P. Thể hiện tại bảng thanh toán tiền lương từ tháng 9/2015 đến hết tháng 03/2016 và Bản sao kê chi tiết của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng đối với: Tài khoản số 711A13748032 - Chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Minh P, từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017.

Tài liệu chứng minh đã gửi Tòa án: Bảng thanh toán tiền lương từ tháng 01 đến tháng 4/2015; Từ tháng 10 đến tháng 12/2015 (sao kê các khoản tiền lương đã thanh toán theo bảng thanh toán tiền lương theo thời gian trên); Hợp đồng nội bộ số 274/HĐ ngày 27/4/2015; các tài liệu khác liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận khoán (hóa đơn VAT thu tiền khoán).

2.5. Tiền lương năm 2015 (yêu cầu số 05 của nguyên đơn):

Tiền lương tính từ tháng 01/2015 đến tháng 12/2015, với mức lương đóng bảo hiểm xã hội: 6.392.100 đồng/tháng, trong đó hệ số lương 3,89, phụ cấp 0,4 x mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng, tổng tiền lương thanh toán năm 2015: 76.705.200 đồng. Đối với yêu cầu này của bà P, Công ty đã phân tích rõ, chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ được nêu tại mục 2.4.

2.6. Lương năm 2016 (yêu cầu số 06 của nguyên đơn):

Tiền lương từ tháng 01/2016 đến tháng 12/2016 với mức lương: 7.665.000 đồng/tháng, hệ số 1,16. Tổng số tiền Công ty phải thanh toán cho bà P năm 2016: 106.696.000 đồng. Từ tháng 01/2016 đến tháng 03/2016: Công ty thanh toán đầy đủ tiền lương và các chế độ cho bà P. Thể hiện tại bảng thanh toán tiền lương từ tháng 01/2016 đến hết tháng 03/2016 và Bản sao kê chi tiết của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng đối với: Tài khoản số 711A13748032 - Chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Minh P, từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017.

Từ tháng 04/2016 đến tháng 11/2017: Do bà P không chấp hành việc phân công nhiệm vụ của Công ty và tự ý nghỉ việc không lý do vì vậy Công ty không có trách nhiệm phải thanh toán tiền lương và đóng nộp BHXH cho bà P.

Tài liệu chứng minh đã gửi Tòa án: Bảng thanh toán tiền lương từ tháng 01 đến tháng 3/2016; (sao kê các khoản tiền lương đã thanh toán theo Bảng thanh toán tiền lương theo thời gian trên); Danh sách chấm công của các đơn vị thể hiện việc bà P tự ý nghỉ không đến nhận công việc; các Biên bản xác lập hành vi tự ý nghỉ việc; Thông báo của Công ty yêu cầu bà P trở lại làm việc, các tài liệu xác nhận việc bà P đã nhận các thông báo của Công ty.

2.7. Lương năm 2017 (yêu cầu số 07 của nguyên đơn):

Tiền lương tính từ tháng 01/2017 đến tháng 11/2017, với mức lương 7.665.000 x 10 tháng 15 ngày = 93.359.700 đồng. Giai đoạn từ tháng 01/2017 đến tháng 11/2017: Do bà P không chấp hành việc phân công nhiệm vụ của Công ty và tự ý nghỉ việc không lý do vì vậy Công ty không có trách nhiệm phải thanh toán tiền lương và đóng nộp BHXH cho bà P.

Tài liệu chứng minh đã gửi Tòa án: Danh sách chấm công của các đơn vị thể hiện việc bà P tự ý nghỉ không đến nhận công việc; các Biên bản xác lập hành vi tự ý nghỉ việc; Thông báo của Công ty yêu cầu bà P trở lại làm việc, các tài liệu xác nhận việc bà P đã nhận các thông báo của công ty; các biên bản, tài liệu, Quyết định xử lý kỷ luật sa thải đối với bà P.

2.8. Lương số ngày nghỉ có hưởng lương: Tiền lương những ngày nghỉ có hưởng lương trong 05 năm từ 2012 đến 2017 (yêu cầu số 08 của nguyên đơn):

Công ty đã thanh toán đầy đủ những ngày nghỉ có hưởng lương từ năm 2012 đến hết tháng 03/2016 đối với bà P. Điều này thể hiện tại các bảng thanh toán tiền công, tiền lương và Bản sao kê chi tiết của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng đối với: Tài khoản số 711A13748032 - Chủ tài khoản bà Nguyễn Thị Minh P, từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017.

Tài liệu chứng minh đã gửi Tòa án: Bảng kê thanh toán tiền lương thể hiện các ngày nghỉ có hưởng lương đã được công ty thanh toán cùng với tiền lương hàng tháng từ năm 2012 đến tháng 3/2016; (sao kê các khoản tiền lương đã thanh toán theo bảng thanh toán tiền lương theo thời gian trên).

3. Về kinh phí công đoàn: Đây là nguồn hỗ trợ cho hoạt động Công đoàn ở các cấp và theo pháp luật hiện hành thì kinh phí Công đoàn được trích theo tỷ lệ 2% trên tổng số tiền lương mà đơn vị sử dụng lao động phải trả cho người lao động, khoản kinh phí này do người sử dụng lao động trích nộp. Vì vậy, việc bà P đòi hỏi Công ty thanh toán kinh phí công đoàn là phi lý.

Với các ý kiến như đã trình bày, phân tích ở trên, Công ty cho rằng việc bà P khởi kiện yêu cầu Công ty phải trả cho bà P số tiền 669.649.850đ (sáu trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng); bao gồm: Tiền lương, tiền lương những ngày chưa nghỉ hàng năm trong thời gian từ năm 2012 đến hết tháng 11/2017 là không có cơ sở, không đúng với thực tế mà Công ty đã thực hiện. Kính đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện vô căn cứ của bà P.

Tại phiên toà, hai bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án và cùng yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư Hương Giang trình bày nội dung tranh luận: Theo các tài liệu, chứng cứ do hai bên đương sự đã giao nộp Toà án, tài liệu do Toà án thu thập được và các quy định của pháp luật:

1. Các Hợp đồng Công ty đã ký, tại phần ĐẠI DIỆN BÊN A có chữ ký, đóng dấu của Công ty, ở phần ĐẠI DIỆN BÊN B có chữ ký, họ tên bà P nhưng không đóng dấu của Xí Nghiệp; trong các Phiếu thu tiền của Công ty do bà P trực tiếp nộp, ở phần "Người nộp tiền" có chữ ký, họ tên bà P, nhưng không đóng dấu của Xí nghiệp. Xác định đó là Công ty thu tiền của cá nhân bà P, do Xí nghiệp làm dịch vụ nhưng thu không đủ số tiền theo Hợp đồng giao khoán nên phải bỏ tiền của cá nhân để nộp vào Công ty;

2. Bà P yêu cầu Công ty trả bà số tiền tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017 theo quy định của pháp luật tại phần (8), nhưng Công ty chưa chi trả cho bà P.

3. Bà P phải được hưởng 02 loại lương: 01 loại lương do bà là người lao động của Công ty, được hưởng lương hàng tháng theo thang, bậc lương do Công ty chi trả theo quy định của pháp luật; bà P ký Hợp đồng giao khoán, phải được hưởng lương theo Hợp đồng giao khoán là loại lương thứ 2. Theo Bản sao kê của Ngân hàng thể hiện, Công ty trả lương bà P hàng tháng theo thang, bậc lương của Công ty bằng tiền do bà P nộp về Công ty. Đó không phải lương được chi trả bà P bằng tiền của Công ty là vi phạm. Xác định, bà P chưa nhận được lương theo Hợp đồng giao khoán. Bà P là người lao động được hưởng lương theo thang, bậc lương của Công ty, nhưng Công ty ký Hợp đồng giao khoán với bà P là vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật.

Nên bà P có quyền đòi Công ty trả lại các khoản tiền từ phần (1) đến (8) như đã yêu cầu với tổng số tiền 745.649.850 đồng - 76.000.000 đồng bà P đã rút 1/2 yêu cầu tại phần (3). Nay bà P yêu cầu Công ty trả bà các khoản nêu từ phần (1) đến (8) = 669.649.850^{đ} (sáu trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

Ông Đ đối đáp:

1. Trong các Hợp đồng Công ty đã ký với Xí nghiệp, có Hợp đồng 110 chưa đóng dấu Xí nghiệp vào phần chữ ký, họ tên bà P là do sơ xuất của người quản lý dấu, nhưng tại Biên bản thanh lý Hợp đồng 110 có đóng dấu Xí nghiệp vào phần có chữ ký, họ tên bà P; các Hợp đồng 68, 69 đều có đóng dấu Xí nghiệp vào phần có chữ ký, họ tên của bà P; Hợp đồng 274/2015 chưa đóng dấu Xí nghiệp vào phần có

chữ ký, họ tên của bà P là do sơ xuất của người quản lý dấu. Ngày 18/3/2016, Công ty ra Quyết định số 88/QĐ-CT về việc không chuyển đổi và không bổ nhiệm các chức danh quản lý, nội dung của Quyết định nêu rõ: không chuyển đổi và không bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp đối với bà P sau khi Công ty TNHH Một thành viên C đổi thành Công ty cổ phần C. Theo đó, bà P được điều động công tác về Phòng Phát triển khách hàng - Thu phí trực thuộc Công ty. Tuy nhiên, ngay khi có Quyết định nêu trên, bà P không thực hiện và không đến Công ty để làm việc, tự ý nghỉ việc không có lý do, mặc dù Công ty đã gửi Thông báo yêu cầu bà P trở lại làm việc. Công ty có Thông báo với Xí nghiệp về việc thanh lý Hợp đồng 274/2015, yêu cầu Xí nghiệp bàn giao lại tài sản mà Công ty đã giao khoán cho Xí nghiệp; các văn bản này đều đã giao cho Giám đốc Xí nghiệp là bà P nhận. Bà P đã biết, nhưng không chấp hành, chây ỳ, không hợp tác để làm thủ tục thanh lý Hợp đồng, nên Hợp đồng 274/2015 chưa thanh lý. Bà P tự ý chiếm dụng các tài sản theo Hợp đồng giao khoán của Công ty để tiếp tục làm dịch vụ khi không còn chức danh Giám đốc Xí nghiệp, Công ty đã phải khởi kiện đến Toà án để yêu cầu bà P trả lại các tài sản đó, Bản án xét xử vụ án đã có hiệu lực pháp luật, được thi hành, bà P không tự nguyện chấp hành theo bản án nên Chi cục Thi hành án đã phải cưỡng chế để bàn giao lại các tài sản của Công ty. Các Hợp đồng Công ty đã ký, đều ký với tư cách pháp nhân giữa Công ty với Xí nghiệp do bà P làm Giám đốc, là người đại diện Xí nghiệp để ký Hợp đồng. Công ty không ký Hợp đồng với cá nhân bà P. Công ty thu tiền Xí nghiệp nộp theo Hợp đồng giao khoán là thu tiền có được từ việc làm dịch vụ của Xí nghiệp do bà P làm Giám đốc, là người đại diện Xí nghiệp để nộp về Công ty. Công ty không thu tiền của cá nhân bà P, thể hiện rõ trong các Phiếu thu ghi: "Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thị Minh P; địa chỉ: XN dịch vụ du lịch; lý do nộp: Gồm các khoản tiền như nộp tiền nhận khoán kinh doanh bãi xe và nhà vệ sinh khu II theo HĐ…, nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN từ … theo đợt nộp, thời gian nộp". Các tài liệu khác liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận khoán (Hoá đơn VAT thu tiền khoán, phiếu thu tiền đóng nộp bảo hiểm các loại cho người lao động của Xí nghiệp).

3. Từ tháng 01/2012 đến tháng 3/2016, trong khoảng thời gian Hợp đồng giao khoán giữa Công ty với Xí nghiệp trực thuộc Công ty có hiệu lực, Công ty không ký Hợp đồng với cá nhân bà P. Do đó, Công ty chi trả lương bà P với tư cách làm Giám đốc Xí nghiệp trực thuộc theo thang, bậc lương của Công ty bằng nguồn tiền có được từ việc Xí nghiệp làm dịch vụ, do bà P làm đại diện nộp về Công ty theo Hợp đồng giao khoán; những khoảng thời gian Công ty không ký Hợp đồng giao khoán với Xí nghiệp, Công ty trả lương bà P với tư cách làm Giám đốc Xí nghiệp trực thuộc bằng nguồn tiền của Công ty đều là đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ của người sử dụng lao động - Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với bà P, gồm: Chi trả tiền lương, tiền lương tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương, tính từ tháng 01/2012 đến tháng 03/2016. Nên Công ty không đồng ý trả tiền theo các yêu cầu từ (01) đến (08) của bà P. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Luật sư Hương Giang trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà P: Bà P giữ nguyên quan điểm về việc rút yêu cầu Công ty trả bà P tiền kinh phí công đoàn và rút 1/2 yêu cầu (3) về việc yêu cầu Công ty trả bà P số tiền 152.000.000 đồng do trước đây tính toán sai (thực tế nộp về Công ty 01 đợt = 76.000.000 đồng, tính thành 02 đợt = 152.000.000 đồng), nay bà chỉ yêu cầu Công ty trả bà 76.000.000 đồng; giữ nguyên các yêu cầu khác từ (1) đến (8). Nay bà P yêu cầu Công ty trả lại bà tổng số tiền: 669.649.850 đồng.

Ông Đ trình bày quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty:

Công ty giữ nguyên các ý kiến như đã trình bày, phân tích đối với các yêu cầu của bà P: Về nghĩa vụ của người sử dụng lao động - Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với bà P, gồm: Chi trả tiền lương, tiền lương tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương, tính từ tháng 01/2012 đến tháng 03/2016. Công ty giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật để chứng minh Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với bà P. Do đó, Công ty không đồng ý toàn bộ các yêu cầu của bà P từ (01) đến (08) về việc yêu cầu Công ty trả bà số tiền 669.649.850 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ các yêu cầu của nguyên đơn - Bà P.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn về cơ bản đã thực hiện đầy đủ các quyền, chấp hành các nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

1. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Minh P có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn giải quyết về "Tranh chấp đòi tiền lương" đối với Công ty có địa chỉ tại số 8 khu I, V, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

2. Quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - bà P: Yêu cầu bị đơn - Công ty phải hoàn trả các khoản tiền từ (1) đến (4) trong đơn khởi kiện gồm "Tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của Giám đốc xí nghiệp trong thời gian thực hiện Hợp đồng, tính từ tháng 01/2012 đến hết tháng 09/2015" với tổng số tiền 289.357.850^{đ} (hai trăm tám mươi chín triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi đồng); ngày 02/3/2023, bà P bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Công ty thanh toán các khoản từ (5) đến (8) trong đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai gồm: "Tiền lương tính từ tháng 01/2015 đến tháng 11/2017 và tiền lương theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương trong 05 năm, từ năm 2012 đến năm 2017 với tổng số tiền 456.292.000^{đ} (bốn trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi hai nghìn đồng)". Tổng cộng, bà P yêu cầu Công ty thanh toán các khoản từ (1) đến (8) với tổng số tiền: 745.649.850^{đ} (bảy trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng). Vì cho rằng Công ty chưa chi trả bà số tiền nêu trên theo quy định của pháp luật. Bà P yêu cầu Công ty hoàn trả tổng số tiền 745.649.850 đồng.

Tại phiên hoà giải ngày 25/8/2023, bà P rút yêu cầu Công ty trả bà tiền kinh phí công đoàn; tại phiên toà, bà P rút 1/2 yêu cầu (3) về việc yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 152.000.000 đồng (rút yêu cầu đòi Công ty trả bà số tiền 76.000.000 đồng). Do tính toán sai (thực tế nộp về Công ty 01 đợt 76.000.000 đồng, tính thành 02 đợt 152.000.000 đồng). Nay bà P yêu cầu hoàn trả số tiền 76.000.000 đồng bà đã nộp về Công ty tại mục (3) và giữ nguyên các yêu cầu khác từ (1), (2), (4), (5), (6), (7), (8) với tổng số tiền yêu cầu hoàn trả 745.649.850 đồng - 76.000.000 đồng do rút ½ yêu cầu (3) = Bà P yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 669.649.850^{đ} (sáu trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng). Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện do tự nguyện, đại diện bị đơn đồng ý. Nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của các đương sự, đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do hai bên đương sự cung cấp, Tòa án thu thập được, thể hiện: Từ năm 2011, bà Nguyễn Thị Minh P làm việc tại Công ty TNHH Một thành viên C nay chuyển đổi thành Công ty cổ phần C (Sau đây viết tắt: Công ty) và được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ trực thuộc Công ty

(sau đây viết tắt: Xí nghiệp). Từ ngày 22/4/2012 đến ngày 19/3/2016, bà P làm việc tại Công ty và được hưởng tiền lương và các khoản phụ cấp khác theo quy định (theo các bản Hợp đồng nội bộ số 110/HĐ ngày 22/4/2012, số 68/HĐ ngày 26/4/2013, số 69/HĐ ngày 25/4/2014 và số 274/HĐ ngày 27/4/2015, được ký giữa Công ty với Xí nghiệp). Ngày 18/3/2016, Công ty ra Quyết định số 88/QĐ-CT về việc không chuyển đổi và không bổ nhiệm các chức danh quản lý, nội dung của Quyết định nêu rõ: không chuyển đổi và không bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp đối với bà P sau khi Công ty TNHH Một thành viên C chuyển đổi thành Công ty cổ phần C. Theo đó, bà P được điều động công tác về Phòng Phát triển khách hàng - Thu phí trực thuộc Công ty. Tuy nhiên, ngay khi có Quyết định nêu trên, bà P không thực hiện và không đến Công ty để làm việc, tự ý nghỉ việc không có lý do, mặc dù Công ty đã gửi Thông báo yêu cầu bà P trở lại làm việc. Ngày 17/6/2017, Công ty đã ra Quyết định số 378/QĐ-CT về việc bố trí sắp xếp công việc đối với bà P. Bà P cũng không đến Công ty để làm việc. Căn cứ các quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của Công ty, ngày 14/11/2017, Công ty đã ra Quyết định số 615/QĐKL-CT về việc xử lý kỷ luật sa thải lao động đối với bà P. Từ thời gian nêu trên, bà P không còn là người lao động của Công ty nên Công ty không phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với bà P; việc bà P yêu cầu Công ty phải trả bà các khoản tiền từ tháng 4/2016 đến hết tháng 11/2017 là không có căn cứ.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Minh P thuộc diện được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu đòi tiền lương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Công ty không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 151, Điều 152 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 5, Điều 6, Điều 15, khoản 1 Điều 16, Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 22, Điều 33, khoản 8 Điều 36, điểm d khoản 1 Điều 38, Điều 47, khoản 3 Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2012.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty hoàn trả số tiền kinh phí công đoàn và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền nguyên đơn đã nộp cho Công ty theo Hợp đồng nội bộ

số 69/HĐ ngày 25/4/2014 là 76.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu Công ty cổ phần C hoàn trả bà tiền lương và tiền lương tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương, tính từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2017 theo các yêu cầu khởi kiện từ (01) đến (08) với tổng số tiền 669.649.850đ (sáu trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

3. Công ty cổ phần C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh P được miễn nộp tiền án phí do bà P thuộc diện được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, áp dụng pháp luật: Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Minh P có đơn khởi kiện, yêu cầu bị đơn - Công ty TNHH MTV C nay là Công ty Cổ phần C (sau đây viết tắt: Công ty) trả lại bà tiền lương, tiền lương tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương là số tiền bà đã nộp về Công ty theo các Hợp đồng nội bộ "Giao, nhận khoán kinh doanh, dịch vụ …", nhưng Công ty chưa trả bà, tính từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017. Tranh chấp đã thông qua thủ tục hoà giải của Hoà giải viên lao động ngày 17/11/2022, kết quả hoà giải không thành. Xác định, đây là loại vụ án về "Tranh chấp đòi tiền lương" theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty có trụ sở tại địa chỉ: Số 8 khu I, V, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn - Bà P có đơn khởi kiện, yêu cầu Công ty trả lại bà tiền lương, tiền lương tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương là số tiền bà đã nộp về Công ty theo các Hợp đồng nội bộ "Giao, nhận khoán kinh doanh, dịch vụ …", tính từ 01/2012 đến 11/2017 theo các Hợp đồng nội bộ "Giao, nhận khoán kinh doanh, dịch vụ …", do bà cho rằng Công ty chưa trả bà. Xác định, đây là quan hệ tranh chấp thuộc loại vụ án về "Tranh chấp đòi tiền lương"

theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 15, khoản 1 Điều 16, Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 22, khoản 8 Điều 36, điểm d khoản 1 Điều 38, Điều 47, khoản 3 Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2012.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà P:

[3] Bà P khởi kiện, yêu cầu Công ty trả lại bà tiền lương, tiền lương tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương, tiền kinh phí Công đoàn ghi trong đơn khởi kiện, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai theo các yêu cầu từ (01) đến (08) với tổng số tiền 745.649.850 đồng bà đã nộp về Công ty theo các Hợp đồng nội bộ "Giao, nhận khoán kinh doanh, dịch vụ …", tính từ 01/2012 đến 11/2017, do bà cho rằng Công ty chưa trả bà.

[3.1] Tại phiên toà, bà P giữ nguyên việc rút yêu cầu Công ty trả bà tiền kinh phí công đoàn tại phiên hoà giải ngày 25/8/2023 và rút 1/2 yêu cầu (3) trong đơn khởi kiện về việc yêu cầu Công ty trả lại số tiền 152.000.000 đồng (rút yêu cầu đòi Công ty trả bà số tiền 76.000.000 đồng). Do tính toán sai (thực tế nộp về Công ty 01 đợt 76.000.000 đồng, tính thành 02 đợt 152.000.000 đồng). Nay bà P chỉ yêu cầu Công ty trả lại số tiền 76.000.000 đồng tại mục (3) và các yêu cầu từ (1), (2), (4), (5), (6), (7), (8) với tổng số tiền: 669.649.850 đồng, gồm tiền lương, tiền lương tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương, tính từ 01/2012 đến tháng 11/2017 là số tiền bà đã nộp về Công ty theo các Hợp đồng nội bộ "Giao, nhận khoán kinh doanh, dịch vụ …", do bà cho rằng Công ty chưa trả bà. Tuy nhiên, do bà P không giao nộp được tài liệu, chứng cứ gì theo quy định của pháp luật để chứng minh cho các yêu cầu từ (1) đến (8) của bà là hợp pháp và có căn cứ.

- Xét việc nguyên đơn - bà P rút một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện:

[4] Tại phiên toà, bà P giữ nguyên việc rút yêu cầu Công ty trả bà tiền kinh phí công đoàn tại phiên hoà giải ngày 25/8/2023 và rút 1/2 yêu cầu (3) trong đơn khởi kiện về việc yêu cầu Công ty trả lại số tiền 152.000.000 đồng (rút yêu cầu đòi Công ty trả bà số tiền 76.000.000 đồng). Do tính toán sai (thực tế nộp về Công ty 01 đợt 76.000.000 đồng, tính thành 02 đợt 152.000.000 đồng). Nay bà P chỉ yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 76.000.000 đồng tại mục (3). Tại phiên toà, ông Đ nhất trí với việc bà P rút một phần yêu cầu khởi kiện. Xác định: Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà P, ông Đ nhất trí với việc bà P rút một phần yêu cầu khởi kiện do đương sự cùng tự nguyện, phù hợp và đúng theo quy định của pháp luật về quyền tự định đoạt của đương sự nên cần được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà P như nêu trên.

- Xét ý kiến người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - ông Đ đối với các yêu cầu từ (01) đến (08) của nguyên đơn - bà P:

[5] Ông Đ nhất trí với việc bà P rút yêu cầu Công ty trả bà tiền kinh phí công đoàn; tại phiên toà, bà P rút 1/2 yêu cầu (3) trong đơn khởi kiện về việc yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 152.000.000 đồng (rút yêu cầu đòi Công ty trả bà số tiền 76.000.000 đồng). Do tính toán sai (thực tế nộp về Công ty 01 đợt 76.000.000 đồng, tính thành 02 đợt 152.000.000 đồng). Nay bà P chỉ yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền 76.000.000 đồng tại mục (3).

[5.1] Công ty đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm các tài liệu về pháp nhân của Công ty, Xí nghiệp; Hợp đồng nội bộ số 110/HĐ ngày 22/4/2012; Hợp đồng giao khoán nội bộ số 68/HĐ ngày 26/4/2013; Hợp đồng giao khoán nội bộ số 69/HĐ ngày 25/4/2014; các Bảng thanh toán tiền lương (sao kê các khoản tiền lương đã thanh toán theo bảng thanh toán tiền lương từ tháng 01/2012 đến tháng 6/2013); các tài liệu khác liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận khoán (Hoá đơn VAT thu tiền khoán, phiếu thu tiền đóng nộp bảo hiểm các loại cho người lao động của Xí nghiệp) để chứng minh: Từ năm 2011, bà P làm việc tại Công ty TNHH Một thành viên C, nay chuyển đổi thành Công ty cổ phần C (Sau đây viết tắt: Công ty) và được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ trực thuộc Công ty (sau đây viết tắt: Xí nghiệp). Từ ngày 22/4/2012 đến ngày 19/3/2016, bà P làm việc tại Công ty, được hưởng tiền lương, các khoản phụ cấp khác theo quy định (theo các bản Hợp đồng nội bộ số 110/HĐ ngày 22/4/2012, số 68/HĐ ngày 26/4/2013, số 69/HĐ ngày 25/4/2014 và số 274/HĐ ngày 27/4/2015, được ký giữa Công ty với Xí nghiệp). Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với bà Nguyễn Thị Minh P, bao gồm: Chi trả tiền lương bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank) theo ngày công thực tế làm việc hoặc chi trả tiền lương theo hình thức Khoán nội bộ, Lệnh sản xuất nội bộ; đóng nộp các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo quy định của pháp luật; thanh toán tiền lương đối với những ngày nghỉ có hưởng lương của người lao động (ngày Lễ, Tết, phép năm...), tính từ tháng 01/2012 đến tháng 03/2016. Xác định, các tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp Toà án đều hợp pháp, có căn cứ theo các quy định của pháp luật.

[5.2] Công ty đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Các Văn bản, tài liệu về việc ngày 18/3/2016, Công ty ra Quyết định số 88/QĐ-CT về việc không chuyển đổi và không bổ nhiệm các chức danh quản lý, nội dung của Quyết định nêu rõ: không chuyển đổi và không bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Xí nghiệp đối với bà P sau khi Công ty TNHH Một thành viên C chuyển đổi thành Công ty cổ phần C. Theo đó, bà P được điều động công tác về Phòng Phát triển khách hàng - Thu phí trực thuộc Công ty. Tuy nhiên, ngay khi có Quyết định nêu trên, bà P không thực hiện và không đến Công ty để làm việc, tự ý nghỉ việc không có lý do, mặc dù Công ty đã gửi Thông báo yêu cầu bà P trở lại làm việc. Ngày 17/6/2017, Công ty đã ra Quyết

định số 378/QĐ-CT về việc bố trí sắp xếp công việc đối với bà P. Bà P cũng không đến Công ty để làm việc. Căn cứ các quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của Công ty, ngày 14/11/2017, Công ty đã ra Quyết định số 615/QĐKL-CT về việc xử lý kỷ luật sa thải lao động đối với bà P. Từ thời gian nêu trên, bà P không còn là người lao động của Công ty nên Công ty không phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với bà P. Xác định, các tài liệu, chứng cứ do bị đơn giao nộp Toà án đều hợp pháp, có căn cứ theo các quy định của pháp luật.

[5] Tài liệu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (viết tắt: VietinBank Đông Hải Phòng) cung cấp "Sao kê chi tiết tài khoản số 711A13748032 - Chủ tài khoản NGUYEN THI MINH P, từ tháng 01/2012 đến hết tháng 11/2017", thể hiện: Từ tháng 01/2012 đến 19/3/2016, Công ty đã thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động trong việc chi trả lương, các khoản phải chi trả khác theo quy định của pháp luật đối với người lao động - bà P được nhận vào tài khoản của bà P mở tại Ngân hàng VietinBank Đông Hải Phòng.

[6] Qua xem xét yêu cầu của nguyên đơn - bà P, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Hương Giang, ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - ông Đ, đề xuất của Kiểm sát viên; đánh giá tính hợp pháp của các chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn giao nộp, chứng cứ do Toà án thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định: Đối với các yêu cầu từ (1) đến (8) của bà P với tổng số tiền: 669.649.850 đồng, gồm tiền lương, tiền lương tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương, tính từ 01/2012 đến tháng 11/2017 là số tiền bà đã nộp về Công ty theo các Hợp đồng nội bộ "Giao, nhận khoán kinh doanh, dịch vụ …" bà cho rằng Công ty chưa trả bà, nên yêu cầu Công ty trả lại. Tuy nhiên, tiền lương, tiền lương tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương đều đã được Công ty chi trả bà nhận đầy đủ. Do đó, các yêu cầu này đều không có căn cứ. Vì vậy, toàn bộ các yêu cầu từ (01) đến (8) của bà P đều không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về án phí:

[7] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: "Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, …" thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí, án phí:

[7.1] Bà P thuộc diện được miễn nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đòi tiền lương;

[7.2] Công ty không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 151, 152 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 5, Điều 6, Điều 15, khoản 1 Điều 16, Điều 17, điểm a khoản 1 Điều 22, khoản 8 Điều 36, điểm d khoản 1 Điều 38, Điều 47, khoản 3 Điều 125 Bộ luật Lao động năm 2012; xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty hoàn trả số tiền kinh phí công đoàn và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền nguyên đơn đã nộp cho Công ty theo Hợp đồng nội bộ số 69/HĐ ngày 25/4/2014 là 76.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện từ (1) đến (8) của nguyên đơn đối với: Yêu cầu Công ty cổ phần Công trình công cộng và dịch vụ du lịch Hải Phòng trả lại bà tiền lương và tiền lương tính theo số ngày nghỉ được hưởng nguyên lương, tính từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2017 với tổng số tiền 669.649.850[đ] (sáu trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

3. Về án phí:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Bà P được miễn nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện đòi tiền lương.

- Công ty không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn, TPHP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hoàng